

Số: 374 /TB-BVĐKKV

Tiểu Cần, ngày 24 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu lần 2 cho gói thầu vật tư, trang thiết bị y tế sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Tổ Chuyên gia đấu thầu - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần.

Điện thoại: 0901.098.880; 02943.861104 (Khoa Dược).

Email: tothaubvdkkvtieucan@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ Chuyên gia đấu thầu - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần. Địa chỉ: Ấp Đại Mong, Xã Phú Cần, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh.

Đồng thời đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi bản scan báo giá và file qua địa chỉ email sau: tothaubvdkkvtieucan@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến trước 15 giờ ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, trang thiết bị y tế, bao gồm: Đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, Xã Phú Cần, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 48-72 giờ, theo dự trừ hàng tuần/tháng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và đã được đối chiếu công nợ.

5. Các thông tin khác:

Trên đây là Yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần kính gửi đến Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp báo giá theo yêu cầu tại phụ lục 2.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thiên Lộc

(Kèm theo Thông báo số



DANH MỤC YÊU CẦU BẢO GIÁ
ngày 24/04/2024 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần)

Phụ lục 1

STT	STT phần	Mã hàng	Mã số theo TT 04	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
Phần số 01: Chi khâu không tiêu, Chi khâu tự tiêu, lưỡi dao mổ (gồm 10 mặt hàng)								
1	1	VT01	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 2/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chi đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	150	
2	2	VT 02	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 3/0, 4/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chi đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	600	
3	3	VT03	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 5/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chi đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	150	
4	4	VT04	N05.02.030	Chi không tiêu đa sợi Silk các số 1/0, 2/0, 3/0 Kim tròn	Chi có cấu tạo từ sợi protein tự nhiên được chiết xuất từ tơ tằm và được phủ một lớp silicon hoặc sáp giúp hạn chế sự hấp thụ và giảm thiểu kích ứng mô. Chi có độ căng dây cao, khả năng giữ vết khâu tốt hoặc chỉ có cấu tạo tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	360	
5	5	VT05	N05.02.030	Chi không tiêu đơn sợi polypropylen tổng hợp số 1/0, 2/0, 3/0, số 4/0	Chi không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polypropylen, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt và được phủ một lớp silicon hoặc chỉ có cấu tạo tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Tép	120	
6	6	VT06	N05.02.060	Chi Polyglycolic acid (PGA), tiêu đa sợi các	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi xoắn Polyglycolic acid với lớp phủ tổng hợp, giúp sợi chỉ có độ đàn hồi cao, thời gian hấp thụ dài, ít gây viêm nhiễm. Chi phẫu thuật sẽ dần dần được hấp thụ và tan hoàn toàn trong vòng 90 ngày hoặc các chỉ có cấu tạo tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO,	Sợi	120	

STT	STT	Mã	Mã số theo	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	DVT	Số	Ghi
				cỡ 2/0, 3/0, 4/0, 5/0	CE hoặc tương đương.			
7	7	VT07	N05.02.060	Chi tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 cỡ 2/0, 3/0	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0, 3/0, kim tròn đầu tròn. 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	60	
8	8	VT08	N05.02.060	Chi tiêu chromic các cỡ 2/0, 3/0, 4/0 kim tròn	Chi Chromic 2/0, 3/0, 4/0 kim tròn, kim tam giác, kim dài 24mm (Catgut) hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi	360	
9	9	VT09	N05.02.030	Chi thép Patella hoặc tương đương	chi thép các số 7,8; chi thép đơn sợi gắn liền 1 kim cắt, kim tam giác 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Tép	60	
10	10	VT10	N05.03.020	Lưỡi dao mổ vô khuẩn	Số 10,11,12. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Cài	3.000	
Phần số 02: Vật tư y tế dùng trong nha khoa (gồm 25 mặt hàng)								
11	1	VT11		Cây lèn các số	Phụ kiện thay thế	Cây	12	
12	2	VT12		Composite đặc Z250 (Màu A3)	Vật liệu Composite phục hồi quang trường hợp. Thao tác tốt hơn và có đặc tính mô phỏng quang học, đặc mà không dính giúp dễ dàng thao tác, đặt chất trám và điều khắc, có thêm nhiều thời gian làm việc. Độ co thấp, bảo vệ bờ viền miềng trám liên tục, Phục hồi các kẽ hở răng, ít gây ê buốt hoặc tương đương.	Tuýp	40	
13	3	VT13		Composite đặc Z250 (Màu A3.5)	Vật liệu Composite phục hồi quang trường hợp. Thao tác tốt hơn và có đặc tính mô phỏng quang học, đặc mà không dính giúp dễ dàng thao tác, đặt chất trám và điều khắc, có thêm nhiều thời gian làm việc. Độ co thấp, bảo vệ bờ viền miềng trám liên tục, Phục hồi các kẽ hở răng, ít gây ê buốt hoặc tương đương.	Tuýp	40	
14	4	VT14		Composite lòng Z250 (Màu A3)	Là composite lòng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ở sâu nhỏ, bít các vết nứt, vật liệu phục hình lớp III đến V, sửa các vết trám và veneer hoặc tương đương.	Tuýp	40	
15	5	VT15		Composite lòng Z250	Là composite lòng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ở sâu nhỏ, bít các vết nứt, vật liệu phục hình lớp III đến V,	Tuýp	40	

STT	STT	Mã	Mã số theo	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	DVT	Số	Ghi
				(Màu A3.5)	sửa các vết trám và veneer hoặc tương đương.			
16	6	VT16		Cone gutta pecha các số	Phụ kiện thay thế	Hộp	40	
17	7	VT17		Cone giấy các loại	Phụ kiện thay thế	Hộp	40	
18	8	VT18		Cone phụ A,B,C,D	Phụ kiện thay thế	Hộp	40	
19	9	VT19		Dầu tra tay khoan nha khoa	Phụ kiện thay thế, chai $\geq 550\text{ml}$	Chai	2	
20	10	VT20		Endomethason (Cortisomol)	Phụ kiện thay thế, chai $\geq 14\text{g}$	Chai	1	
21	11	VT21		Etchat gel	Dung dịch Etchant nhón màu xanh chứa phosphoric 37% và benzalkonium chloride; dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive hoặc tương đương	Tuýp	10	
22	12	VT22		Eugenol	Dung dịch dầu Eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau răng nhẹ và để tạo hợp chất giảm đau cho răng với oxide kẽm (zinc oxide), giảm đau răng, trộn với oxide kẽm để tạo hợp chất giảm đau hoặc tương đương. chai $\geq$ 30ml	Chai	5	
23	13	VT23		Fuji 9 các màu (A3, A3.5)	Tăng cường phóng thích Fluoride, độ trong mờ tuyệt vời giúp cải thiện thẩm mỹ, tăng cường tái khoáng hóa từ bên trong, đồng cứng cực nhanh nhưng đủ nhiều thời gian làm việc của vật liệu hoặc tương đương.	Hộp	1	
24	14	VT24		Keo Bonding	G-Premio bond có thể sử dụng cho tất cả các phục hồi trực tiếp như trám thẩm mỹ, sửa chữa các phục hồi gián tiếp. Không gây ê buốt nhạy cảm sau thực hiện. Không etching quá mức hoặc dư thừa bond hoặc tương đương.	Chai	2	
25	15	VT25		Lentulo xanh, đỏ	Phụ kiện thay thế	Hộp	50	
26	16	VT26		Mặt gương nha	Phụ kiện thay thế	Cài	120	
27	17	VT27		Nhám kẽ	Nhám kẽ với độ mỏng phù hợp có tác dụng đánh bóng tiếp xúc bên sau khi trám. Có thể hấp tái sử dụng.	Sợi	60	
28	18	VT28		Sò đánh bóng	Bột đánh bóng cao với với thành phần flouride hỗ trợ ngừa sâu răng	Con	200	

STT	STT	Mã	Mã số theo	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	DVT	Số	Ghi
29	19	VT29		Thuốc đo hội nha	Dụng cụ hỗ trợ đo dùng trong nha khoa	Cái	2	
30	20	VT30		Trăm đũa ống tùy (các số)	Phụ kiện thay thế	Hộp	60	
31	21	VT31		Trăm gai xanh, vàng	Phụ kiện thay thế	Hộp	100	
32	22	VT32		Zinc Oxide	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm, dùng trong trám tạm, trộn với eugenol để dùng như cement trám tạm, dùng để dán tạm thời cầu mào, là chất trám lót lý tưởng có thể dùng chung với tất cả các vật liệu phục hồi khác hoặc tương đương. hộp $\geq 110g$	Hộp	2	
33	23	VT33		Mũi khoan xương 702	Phụ kiện thay thế	Mũi	20	
34	24	VT34		Mũi khoan xương 703	Phụ kiện thay thế	Mũi	20	
35	25	VT35		Cevitron	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa màu trắng, hộp $\geq 30g$	Hộp	05	
Phần số 03: Test xét nghiệm máy LABONACHECK A1C HOẶC tương đương (gồm 01 mặt hàng)								
36	1	HC01		Test HbA1C	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên MÁY LABONACHECK A1C HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG.	Test	1.200	
Phần số 04: Test xét nghiệm h.pylori qua khí thở (gồm 01 mặt hàng)								
37	1	HC02		Bộ Kit thử H.Pylori qua hơi thở C14	xét nghiệm vi khuẩn H.pylori qua hơi thở (bao gồm viên Urea C14). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Test	200	
Phần số 05: Trang thiết bị dùng trong tập vật lý trị liệu, phục hồi chức năng (gồm 20 mặt hàng)								
38	1	TTB01		Tạ tay 1 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
39	2	TTB02		Tạ tay 2 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
40	3	TTB03		Tạ tay 3 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
41	4	TTB04		Tạ chân 1 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
42	5	TTB05		Tạ chân 2 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
43	6	TTB06		Tạ chân 3 kg	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
44	7	TTB07		Ghế tập cơ đùi (có tạ)	Dùng trong tập vật lý trị liệu.	Cái	1	
45	8	TTB08		Ghế tập khớp	Dùng trong tập vật lý trị liệu.	Cái	1	

STT	STT	Mã	Mã số theo	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số	Ghi
				gối				
46	9	TTB09		Khung tập đi (chữ U)	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	Cái	1	
47	10	TTB10		Nạng chống nạch	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	Cặp	1	
48	11	TTB11		Thanh song song	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	Cái	1	
49	12	TTB12		Bục gỗ	Dùng trong tập vật lý trị liệu. Chiều ngang 25 cm x dài 50 cm x cao 20 cm	Cái	2	
50	13	TTB13		Thước đo tâm vận động khớp	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	Cái	2	
51	14	TTB14		Bàn lăn massage	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: gỗ	Cái	2	
52	15	TTB15		Bóng tập yoga	Dùng trong tập vật lý trị liệu. D # 65 cm	Quả	1	
53	16	TTB16		Bóng gai cao su bơm hơi tập tay	Dùng trong tập vật lý trị liệu.	Quả	5	
54	17	TTB17		Bóng cao su	Dùng trong tập vật lý trị liệu. D # 20 cm	Quả	2	
55	18	TTB18		Bộ xếp hình trụ bằng gỗ	Dùng trong tập vật lý trị liệu.	Cái	2	
56	19	TTB19		Dụng cụ quay tay	Dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	Cái	1	
57	20	TTB20		Giường chăm cứu xoa bóp bấm nguyệt	Dùng trong tập vật lý trị liệu. Trọng lượng: 16kg - 17kg. Kích thước: Dài 186cm gấp gọn còn 93cm, rộng 60cm, cao tùy chỉnh từ 52cm - 78cm. Trọng tải < 600kg. Khung nệm giường chia ra làm 2 phần, có thể lắp thêm gối. Vải nệm bọc da PU có độ bền cao, dễ lau chùi.	Cái	3	
				Tổng cộng: 05 phần; 57 mặt hàng				

TÊN ĐƠN VỊ :
ĐỊA CHỈ : ...

Phụ lục 2 Mẫu báo giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngàythángnăm 2024

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Triều Cẩn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Triều Cẩn, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp: trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT phần	Mã hàng	Mã số theo TT 04	Tên mặt hàng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã bao gồm VAT	Thành tiền (VNĐ) đã bao gồm VAT
Phần số 01: Chi khâu không tiêu, Chi khâu tự tiêu, lưới dao mổ (gồm 10 mặt hàng)														
1	1	VT01	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 2/0							Sợi	150		
2	2	VT 02	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 3/0, 4/0							Sợi	600		
3	3	VT03	N05.02.030	Chi khâu không tiêu Nylon cỡ 5/0							Sợi	150		
4	4	VT04	N05.02.030	Chi không tiêu đa sợi Silk các số 1/0,2/0,3/0							Sợi	360		
5	5	VT05	N05.02.030	Chi không tiêu đơn sợi polypropylen							Tép	120		

[illegible]

38	1	TTB01	Tạ tay 1 kg																
39	2	TTB02	Tạ tay 2 kg																
40	3	TTB03	Tạ tay 3 kg																
41	4	TTB04	Tạ chân 1 kg																
42	5	TTB05	Tạ chân 2 kg																
43	6	TTB06	Tạ chân 3 kg																
44	7	TTB07	Ghế tập cơ đùi (có tạ)																
45	8	TTB08	Ghế tập khớp gối																
46	9	TTB09	Khung tập đi (chữ U)																
47	10	TTB10	Nặng chống nách																
48	11	TTB11	Thanh song song																
49	12	TTB12	Bục gỗ																
50	13	TTB13	Thước đo tầm vận động khớp																
51	14	TTB14	Bàn lăn massage																
52	15	TTB15	Bóng tập yoga																
53	16	TTB16	Bóng gai cao su bơm hơi tập tay																
54	17	TTB17	Bóng cao su																
55	18	TTB18	Bộ xếp hình trụ bằng gỗ																
56	19	TTB19	Dụng cụ quay tay																
57	20	TTB20	Giường chằm cứu xoa bóp bấm nguyệt																
			Tổng cộng: 05 phần; 57 mặt hàng																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].
3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))